

WEEK 12

UNIT 6: THE YOUNG PIONEERS CLUB

Period 34: Read (p.57)

I.VOCABULARY:

1.	- encourage /ɪnˈkʌrɪdʒ/(v):	động viên, khuyến khích
2.	develop(v)	Phát triển
3.	establish (v)	Thành lập, thiết lập
4.	build good character	Xây dựng nhân cách
5.	soft skill (n)	Kỹ năng mềm
6.	beloved (adj)	Được yêu mến
7.	president (n)	Chủ tịch
8.	official (adj)	(Thuộc) chính quyền,(1 cách) chính thức
9.	guideline (n)	Đường lối chỉ đạo
10	youth federation(n)	Liên đoàn thanh niên
11	students union(n)	Tổ chức sinh viên
12	social activity (n)	Hoạt động xã hội
13	green summer volunteers campaign (n)	Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh
14	- fund /fʌnd/(n):	quỹ
15	aim (v)	Mục đích
16	- position /pəˈzɪʃn/(n):	vị trí

II.EXERCISE :

WORD FORM – UNIT 6

1. organize (v) : tổ chức →(youth) organization (n): tổ chức thanh niên	7. young (adj) : trẻ → youth (n) : thanh niên
2. sign (v) : kí tên → signature (n) : chữ kí	8. recycle (v) : tái chế → recycling (n) : việc tái chế
3. volunteer (v/adj): xung phong, tiên phong →voluntary (adj) : tình nguyện	9. educate (v) : giáo dục → education (n) : nền giáo dục
4. act (n) : hành động → activity (n) : hoạt động	10. nature (n) : thiên nhiên → natural (adj) : tự nhiên → natural resources: nguồn tài nguyên thiên nhiên
5. encourage (v): động viên, khuyến khích → encouragement (n) : lời động viên	11. explain (v) : giải thích → explanation (n) : lời giải thích
6. apply (v) : áp dụng → application form (n): đơn xin việc	

→ applicant (n) : người nộp đơn xin việc	
--	--

1. The Boy Scouts of America is a youth _____ (organize)
2. The form must have the _____ of the writer (sign)
3. My brother likes acting and outdoor _____ (act)
4. Our teachers always give us _____ so that we can work hard. (encourage)
5. If you want to join the club, please fill in this _____ form (apply)

III. Homework

- Learn by heart Voc.
- Do the exercises
- Prepare period 35: Grammar: Present simple with future meaning

NỘI DUNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
AV8_TUAN 9_P.34 Unit 6: THE YOUNG PIONEER CLUB	
BÀI HỌC : Read	- Học sinh xem tài liệu đính kèm. - Học thuộc từ vựng & phần word form và hoàn thành bài tập
EXERCISE	- Học thuộc lòng word form để làm bài tập